

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2017/DS-PT

Ngày: 19-12-2017

V/v Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Minh H, sinh năm 1942.

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Phước C, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Trần Văn N – Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Thị H, sinh năm 1949;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Hứa Văn Đ – 1967, địa chỉ cư trú: Ấp K, xã TK, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Minh N1, sinh năm: 1969

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh N1: Ông Hứa Văn Đ – 1967, địa chỉ cư trú: Ấp K, xã TK, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2017).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phước C trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp ranh là của mẹ ông H để lại, đất thuộc thửa số 511a, 511b, diện tích 2.000m² và thửa 60, diện tích 1.347m², ông H sử dụng từ năm 1975 cho đến năm 2010 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 60; còn thửa 511a, 511b đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất ông H đang sử dụng thuộc thửa số 511a, 511b giáp ranh với đất bà Lê Thị H giữa hai thửa đất này trước đây có một mương ranh nhưng ông H đã sang lấp mương ranh này vào năm 2004, sang lấp cát khoảng 20 ghe mỗi ghe có giá trị là 2.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng, đất của ông H bị thiếu nên ông H yêu cầu bà Lê Thị H trả lại cho ông Nguyễn Minh H phần đất ranh đã lấn chiếm là 600m² đo đạc thực tế là 609.7m² theo phạm vi các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8 và xác định đường ranh đất theo các mốc 2,3,4,5 của sơ đồ đạc ngày 29/6/2015.

Tuy nhiên, sau đó ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông H chỉ yêu cầu xác định ranh từ mốc 1, 2, 3, A, B, C, 6, 7 và 8, qua đo đạc thực tế diện tích tranh chấp là 306,4m² theo sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2017. Đồng thời, ông H yêu cầu bà Lê Thị H bồi hoàn tiền giá trị san lấp cát là 20.000.000 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, anh Lê Minh N1 là anh Hứa Văn Đ trình bày:

Nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị H1 (mẹ bà H) để lại cho bà H đất thuộc thửa số 510a, 510b diện tích 1.865m² đất, bà Lê Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiếp giáp với đất bà H là đất ông Nguyễn Minh H. Giữa đất của bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh H là có một con mương ranh nhưng nay mương ranh này đã được ông H san lấp một phần từ mép lộ đến mốc 8. Nay ông Nguyễn Minh H yêu cầu bà Lê Thị H trả lại phần đất đã lấn chiếm là 306,4m² bà H không đồng ý, lý do bà Lê Thị H không có lấn chiếm. Yêu cầu xác định đường ranh đất theo các mốc 1,8,7,6 theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 10/8/2017 và giữ nguyên hiện trạng.

- Tại bản án sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H về việc yêu cầu xác định ranh đất với bà Lê Thị H là đường thẳng từ các mốc 1, 2, 3, A, B, C, 6, 7 đến mốc 8 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2017.

2. Giữ nguyên hiện trạng phần ranh đất tranh chấp xác định ranh đất giữa đất ông Nguyễn Minh H với bà Lê Thị H là đường thẳng tại vị trí các mốc được nối từ trụ mốc 1, 8, 7 đến mốc 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2017.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng ranh đất đã xác định. Các chứng ngại vật lấn qua ranh đất được xác định theo không gian và lòng đất, theo chiều thẳng đứng của ranh đất, nếu bên nào vi phạm có trách nhiệm tháo dỡ, di dời ra khỏi để sử dụng ranh giới quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 700.000 đồng theo biên lai thu số 009830 ngày 02/10/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông H được nhận lại 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Minh H phải nộp 2.279.000 đồng lệ phí đo đạc và 500.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định ngày 29/6/2015 (ông H nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2017, ông Nguyễn Minh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh C đại diện cho ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ đại diện cho bà H và anh N1 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

- Luật sư N phát biểu: Phần đất tranh chấp ranh có một mương ranh do ông H đào và sử dụng dẫn nước tưới vườn cây phía sau, hiện nay dùng để thả phân heo và thuộc quyền sử dụng của ông H. Diện tích đất thực tế ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ của ông H là vi phạm tố tụng. Đồng thời xác định ranh là $\frac{1}{2}$ con mương nhưng tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là vi phạm tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp ranh có nguồn gốc là của ông bà của ông H và của bà H, họ để lại cho ông H, bà H sử dụng, đất giáp ranh với nhau, phần tranh chấp thuộc phạm vi các mốc 1,2,3, A, B, C, 6, 7, 8 về mốc 1. Hai bên đều thừa nhận có một con mương tuy nhiên bên ông H cho rằng con mương này là hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của ông H nhưng bên bà H cho rằng mương là mương ranh chung, thuộc quyền sử dụng chung của hai bên, đã sử dụng trên 30 năm không có tranh chấp. Tuy nhiên ông H là nguyên đơn nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đây là mương thuộc quyền sử dụng riêng của ông.

[2] Ông H cho rằng diện tích đất thực tế thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông, tuy nhiên phạm vi tranh chấp ranh thuộc phạm vi 03 thửa đất số 60, 511a, 511b nhưng ông H chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 60, còn thửa 511a và 511b thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Phần ông H yêu cầu bà H trả 20 triệu đồng nhưng ông H không có yêu cầu trong đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Việc xác định ranh là $\frac{1}{2}$ con mương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông H là không đúng, nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cách tuyên án.

Với những nhận định như đã nói trên Hội đồng xét xử chấp nhận rút kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát.
- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh H.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H về việc yêu cầu xác định ranh đất với bà Lê Thị H là đường thẳng từ các mốc 1, 2, 3, A, B, C, 6, 7 đến mốc 8 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2017.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông Nguyễn Minh H với bà Lê Thị H là các đoạn thẳng được nối từ các mốc 1, 8, 7 đến mốc 6 (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2015 và sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2017).

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng ranh đất đã xác định. Các chứng ngại vật lần qua ranh đất được xác định theo không gian và lòng đất, theo chiều thẳng đứng của ranh đất, nếu bên nào vi phạm có trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản, vật kiến trúc (nếu có) ra khỏi đất để sử dụng ranh giới quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, lệ phí:

- Buộc ông Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 700.000 đồng theo biên lai thu số 009830 ngày 02/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông H được nhận lại 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Ông Nguyễn Minh H phải nộp 2.279.000 đồng lệ phí đo đạc và 500.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 29/6/2015 (ông H nộp và chi xong).

- Buộc ông Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 12078 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (do Nguyễn Thị Ngọc O nộp thay).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KT TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Thông